

THỰC TRẠNG BỘ MÁY, NHÂN SỰ CỦA CÁC HỘI THỂ THAO QUỐC GIA TẠI VIỆT NAM

Tàn Lê Minh; Bùi Việt Hà*

Tóm tắt:

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy đánh giá thực trạng bộ máy, nhân sự của các hội thể thao quốc gia tại Việt Nam trên cơ sở khảo sát 29 Hội thể thao quốc gia Việt Nam trên các vấn đề: Ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra, văn phòng, các ban chuyên môn, tổ chức trực thuộc và hội viên.

Từ khóa: Thực trạng, bộ máy, nhân sự, hội thể thao quốc gia, Việt Nam...

Current situation of apparatus and personnel of national sports associations in Vietnam Summary:

Using routine scientific research methods to assess the status of apparatus and personnel of national sports associations in Vietnam on the basis of surveying 29 Vietnam national sports associations on the following issues: executive, standing committee, inspection committee, office, professional departments, affiliated organizations and members.

Keywords: Current situation, apparatus, personnel, national sports association, Vietnam ...

ĐẶT VẤN ĐỀ

Các hội thể thao quốc gia ở nước ta là những tổ chức tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo luật định, phù hợp với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau, trên thực tế mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia còn thấp. Ngoại trừ Ủy ban Olympic Việt Nam, Liên đoàn Bóng đá Việt Nam và một số tổ chức khác như Liên đoàn Bóng chuyền Việt Nam, Liên đoàn Bóng rổ Việt Nam, Liên đoàn Quần vợt Việt Nam, Hiệp hội Golf Việt Nam.. có mức độ tự chủ khá cao, phần lớn các hội thể thao quốc gia còn lại chưa phát huy hết vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Chủ trương mở rộng hệ thống các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về thể dục thể thao (TĐTT) ở nước ta và đổi mới hoạt động, phát huy vai trò của các tổ chức này trong việc phát triển sự nghiệp TĐTT đã được đề ra từ rất lâu và ngày càng được quy định rõ trong các văn bản quy phạm pháp luật, đề án chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, trung hạn phát triển sự nghiệp TĐTT. Tuy nhiên, việc chuyển giao hoạt

động tác nghiệp trên thực tế cũng gặp nhiều khó khăn và triển khai chậm bởi một số nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chính là điều kiện cũng như năng lực tiếp nhận chuyển giao của các hội thể thao quốc gia còn chưa đáp ứng yêu cầu và quy định pháp luật hiện hành.

Để đánh giá chính xác hoạt động của các hiệp hội thể thao quốc gia tại Việt Nam, đánh giá thực trạng bộ máy, nhân sự của các hội thể thao quốc gia là vấn đề cần thiết và cấp thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp toán học thống kê.

Khảo sát được tiến hành trên 29 Hội thể thao quốc gia tại Việt Nam thời điểm năm 2017.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Khảo sát thực trạng bộ máy nhân sự của 29 hội thể thao quốc gia tại Việt Nam. Kết quả cho thấy: Khung tổ chức, bộ máy của các hội thể thao quốc gia đã bám sát quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010

*ThS, Tổng cục Thể dục thể thao

của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. Nhìn chung, cơ cấu tổ chức của các hội thể thao quốc gia ở nước ta là khá thống nhất, bao gồm:

1. Ban Chấp hành các Hội thể thao quốc gia

Ban Chấp hành (BCH) là cơ quan lãnh đạo quan trọng nhất của hội trong mỗi nhiệm kỳ. BCH có trách nhiệm triển khai Điều lệ hội và Nghị quyết của Đại hội đã được thông qua.

1.1. Về số lượng ủy viên Ban Chấp hành

Phần lớn các hội thể thao quốc gia có BCH trên 30 người. Mặc dù trong những năm gần đây, chủ trương cải cách, tinh gọn bộ máy BCH luôn được Ngành TDTT quán triệt đối với các hội thể thao quốc gia, song hiện tại mới chỉ có 04 hội là có số lượng ủy viên BCH dưới 20 người (gồm: Bóng đá, Quần vợt, Thể thao điện tử giải trí, Bridge và Poker), chiếm tỷ lệ 13,3%.

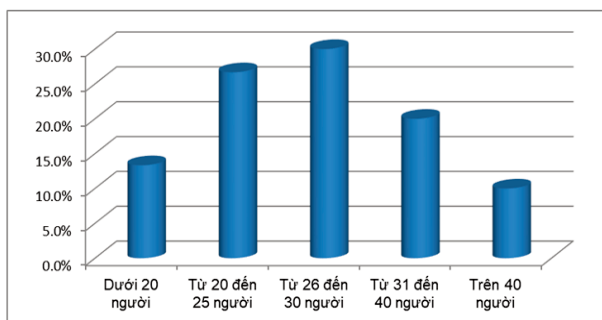
Số lượng các hội có BCH từ 21 đến 25 người là 08 hội (gồm Hiệp hội Paralympic, Bóng chuyên, Cầu lông, Cầu mây, Taekwondo, Thể thao dưới nước, Bóng ném, Cử tạ - Thể hình), chiếm tỷ lệ 26,7%.

Số lượng các hội có BCH từ 26 đến 30 người là 09 hội (gồm: Bóng bàn, Bóng rổ, Điền kinh, Đua thuyền, Judo, Xe đạp – Mô tô thể thao, Quyền Anh, Yoga, Khoa học TDTT), chiếm tỷ lệ 30%.

Số lượng các hội có BCH từ 31 đến 40 người là 05 hội (Bắn súng, Cờ, Thể dục, Võ thuật cổ truyền, Câu cá, Cờ tướng), chiếm tỷ lệ 20%.

03 hội có số lượng ủy viên BCH trên 40 người (Ủy ban Olympic, Golf, Vovinam), chiếm tỷ lệ 10%.

Chi tiết số lượng thành viên BCH các Hội thể thao quốc gia được trình bày tại biểu đồ 1.



Biểu đồ 1. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành của các hội

1.2. Về cơ cấu Ban chấp hành

Trên nguyên tắc, ủy viên BCH của hội thể thao quốc gia là người đại diện cho các tổ chức thành viên, phong trào ở các địa phương, ngành, các câu lạc bộ..., có uy tín trong giới chuyên môn, được tổ chức thành viên hoặc hội viên suy tôn, đề cử. Do tính chất của hội là tổ chức tập hợp của những người hoạt động nghề nghiệp nên các ủy viên BCH phải có tính đại diện, đáp ứng được những nguyên tắc nêu trên.

Tuy nhiên qua thực tế hoạt động của các hội ở nước ta trong những năm qua đã cho thấy, do hầu hết các hội thiếu nền tảng về hội viên nên việc đề cử, giới thiệu và bầu ra BCH tại các kỳ đại hội vẫn chủ yếu dựa trên việc cơ cấu các đại biểu đại diện cho từng vùng, miền hoặc địa phương có phong trào. Trong đó, đại diện lãnh đạo của các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao (cơ quan chuyên môn) hoặc các Trung tâm Huấn luyện, đào tạo vận động viên (đơn vị sự nghiệp làm công tác huấn luyện, đào tạo vận động viên) của các địa phương có phong trào phát triển trong môn thể thao thuộc lĩnh vực hoạt động của hội thường được cơ cấu mời tham gia BCH. Do tính chất cơ cấu như vậy mà thành phần BCH của một hội thể thao quốc gia thường khá đông, đa số là cán bộ kiêm nhiệm, đại diện của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn TDTT.

Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, hầu hết các hội thể thao quốc gia đều có chủ trương cơ cấu một số đại diện BCH là những doanh nhân hoặc đại diện của nhà tài trợ, với mong muốn qua đó huy động thêm nguồn tài chính, mối quan hệ của các doanh nhân này. Chủ trương này đã phát huy hiệu quả nhất định, thường là trong giai đoạn đầu của nhiệm kỳ, khi các doanh nhân được mời tham gia đều khá nhiệt tình đóng góp, hỗ trợ cho hoạt động của hội.

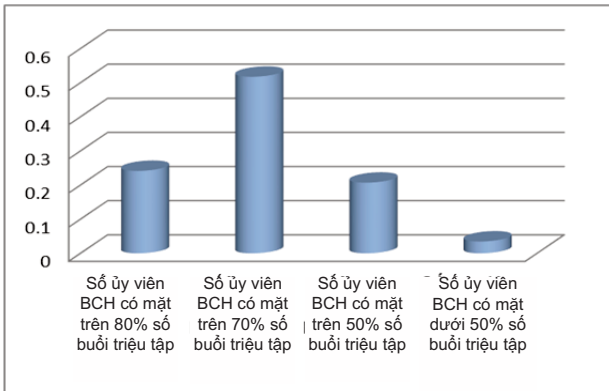
Số lượng ủy viên BCH là đại diện cho huấn luyện viên, vận động viên và những người hoạt động nghề nghiệp nhìn chung chiếm tỷ lệ thấp tại hầu hết các hội thể thao quốc gia ở nước ta. Điều này khá trái ngược với xu thế chung của thể giới và chưa thể hiện được tính nghề nghiệp của hội thể thao.

1.3. Về hoạt động của Ban Chấp hành

Phần lớn các hội thể thao quốc gia chỉ tổ

chức họp BCH mỗi năm một hoặc 2 lần, song thành phần tham dự các kỳ họp BCH, thậm chí tham dự các kỳ Đại hội của hội đều không đầy đủ. Qua thống kê, số lượng ủy viên BCH có mặt trong những lần triệu tập (tính trung bình 03 năm 2014, 2015, 2016): Đầy đủ 100% là không có; đạt tỷ lệ trên 80% số ủy viên BCH có mặt là: 7/29 hội (chiếm tỷ lệ trên 24.1%); số ủy viên BCH có mặt trên 70% là: 15/29 hội (chiếm tỷ lệ 51,7%); số ủy viên BCH đạt tỷ lệ trên 50% có mặt là: 6/29 hội (chiếm tỷ lệ 20,7%) số ủy viên BCH có mặt dưới 50% là: 01/29 hội (chiếm tỷ lệ 3,4%) (Hội thể thao Điện tử và giải trí Việt Nam). Cá biệt có những hội không tổ chức họp BCH định kỳ theo quy định (như Hội Thể thao điện tử và giải trí Việt Nam).

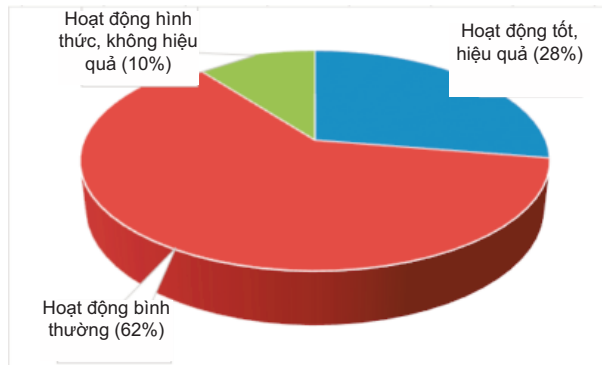
Hầu hết các kỳ họp BCH hội sau khi kết thúc đều có ban hành nghị quyết theo đúng quy định. Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá việc thực hiện nghị quyết của các hội nghị BCH ở phần lớn các hội đều chưa nghiêm túc. Qua khảo sát, đánh giá, tỷ lệ thực hiện của các mục tiêu, nhiệm vụ được ghi trong nghị quyết kỳ họp BCH hội ở hầu hết các hội là tương đối thấp. Cá biệt, có một số hội tổ chức họp BCH nhưng không ghi biên bản họp, không ban hành Nghị quyết.



Biểu đồ 2. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành có mặt trong những lần triệu tập (tính trung bình 03 năm 2014, 2015, 2016)

Phần lớn các hội thể thao quốc gia chưa chú trọng tới việc xây dựng, ban hành các quy chế nội bộ, dẫn tới tình trạng điều hành khá tùy tiện của các vị trí chủ chốt (tổng thư ký, chánh văn phòng).

Qua khảo sát của nhóm nghiên cứu, hiệu quả hoạt động của BCH các hội thể thao quốc gia thể hiện cụ thể như sau:



Biểu đồ 3. Đánh giá chung hiệu quả hoạt động của Ban chấp hành

Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận định: BCH của phần lớn hội thể thao quốc gia hoạt động chưa thật sự đúng với chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ; hiệu quả hoạt động không cao.

2. Ban Thường vụ

Ban thường vụ (BTV) là cơ quan thường trực của BCH, thay mặt BCH điều hành giữa 2 kỳ họp của BCH.

2.1. Về số lượng ủy viên Ban Thường vụ

Theo quy định của Điều lệ, số lượng ủy viên BTV thường không quá 1/3 số lượng ủy viên BCH. Hiện tại, số hội có từ 05 ủy viên Thường vụ trở xuống là 05 hội, số hội có từ 06 đến 10 ủy viên Thường vụ trở xuống là 19 hội, số hội có từ 10 đến dưới 20 ủy viên Thường vụ trở lên là 03 hội, số hội có từ 20 ủy viên Thường vụ trở lên là 02 hội (trong đó có Ủy ban Olympic VN là 27 ủy viên và Liên đoàn Vovinam VN là 22 ủy viên).

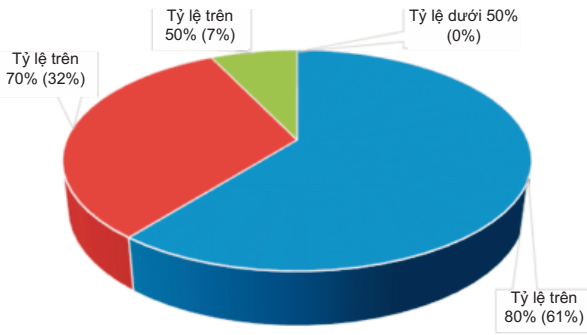
2.2. Về hoạt động của Ban Thường vụ

Theo quy định của Điều lệ BTV họp 06 tháng/lần. Do số lượng BTV ít hơn BCH nên việc họp và điều hành hoạt động của BTV đầy đủ và hiệu quả hơn (Biểu đồ 4).

Kết quả khảo sát cho thấy tại phần lớn các hội thể thao quốc gia, BTV hoạt động khá hiệu quả.

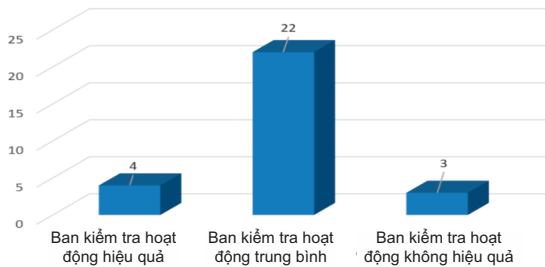
3. Ban Kiểm tra

Các hội thể thao quốc gia đều tuân thủ quy định về việc thành lập Ban kiểm tra (BKT) của hội để giám sát hoạt động hội theo Điều lệ. Tất cả các hội thể thao quốc gia đã được thành lập đều có BKT. Trưởng ban, Phó Trưởng Ban từ các ủy viên được Đại hội bầu ra. Số lượng BKT là từ 3-5 thành viên.



Biểu đồ 4. Số lượng ủy viên Ban thường vụ tham gia các cuộc họp Ban thường vụ (tính trung bình 03 năm 2014, 2015, 2016)

Qua kết quả khảo sát tự đánh giá của các hội, hiện chỉ có 4/29 hội có BKT hoạt động hiệu quả, đạt tỷ lệ 13.8% ; 22/29 hội có BKT hoạt động trung bình, đạt tỷ lệ 75.9%; 3/29 hội có BKT hoạt động không hiệu quả, đạt tỷ lệ 10.3%.



Biểu đồ 5. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm tra (kết quả tổng hợp tự đánh giá của các hội)

Tại hầu hết các hội thể thao quốc gia, hoạt động của BTKT chủ yếu dừng ở việc xử lý, giải quyết những đơn, thư phát sinh liên quan tới các vị trí chủ chốt trong quá trình hoạt động của hội (nếu có). Hoạt động này mới chỉ thể hiện được một phần chức năng của BKT.

4. Các ban chức năng

Các Ban chức năng (BCN) là tổ chức được thành lập để giúp BCH, BTV hội trong việc tham mưu xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các quy định, chính sách, kế hoạch, chương trình công tác cụ thể liên quan tới từng lĩnh vực.

Theo kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu, tại tất cả các hội đều thành lập các BCN với số lượng tối thiểu là 4 ban (Ban Phát triển phong trào, Ban Chuyên môn, Ban Tài chính - vận động tài trợ và Ban Tuyên truyền – Khen thưởng kỷ luật), tối đa từ 7 đến 8 BCN (riêng Liên đoàn Bóng đá Việt Nam là 14 ban). Việc quy định về

chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng ban đã được quy định khá rõ tại Điều lệ của các hội. Trong quy chế hoạt động của BCH các hội cũng đã quy định khá cụ thể về mối quan hệ giải quyết công việc giữa Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và Trưởng BCN, giữa Văn phòng hội và các BCN. Các BCN cũng đã xây dựng quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

Một số hội đã duy trì khá thường xuyên hoạt động của các BCN. Liên đoàn Bóng đá Việt Nam có 14 BCN hoạt động khá thường xuyên và nề nếp. Liên đoàn Quần vợt Việt Nam có 7 BCN, hầu hết hoạt động hiệu quả.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu báo cáo thường niên của các hội và khảo sát hoạt động thực tế của các hội cho thấy một thực tế là hầu hết các BCN tại hầu hết các hội đều hoạt động không thường xuyên, chưa đúng với quy định tại Điều lệ hội. Thậm chí tại một số hội, việc thành lập các BCN chỉ mang tính hình thức, hầu như cả nhiệm kỳ không có một hoạt động cụ thể nào. Hầu hết thành viên của các BCN đều là kiêm nhiệm.

Sau đây là bảng đánh giá kết quả hoạt động của các BCN của nhóm nghiên cứu (bảng 1).

Hoạt động thiếu hiệu quả của các BCN là một trong những tồn tại phổ biến thường xuyên được các hội đề cập đến trong các báo cáo tổng kết hoạt động nhiệm kỳ, báo cáo thường niên. Vai trò mờ nhạt của các BCN dẫn tới việc phân lớn hoạt động tập trung tại văn phòng hội (hoạt động tương đối hiệu quả chỉ ở Ban chuyên môn và Ban quan hệ quốc tế).

5. Văn phòng và nhân sự bộ máy điều hành

Văn phòng hội có vai trò hết sức quan trọng trong việc giúp BCH, BTV, Tổng thư ký để tổ chức triển khai các công việc thường xuyên của hội. Chức năng, nhiệm vụ chính của văn phòng hội là tổ chức điều phối, triển khai toàn bộ các hoạt động hành chính, các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn của hội; quản trị tài chính và cơ sở vật chất của hội; tổng hợp, xây dựng các văn bản; giúp Tổng thư ký triển khai các nhiệm vụ cụ thể thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Tổng thư ký.

Tổng thư ký của các hội thường là người được phân công trực tiếp chỉ đạo, điều phối hoạt động của văn phòng hội. Người giúp cho Tổng

Bảng 1. Đánh giá kết quả hoạt động của một số ban chức năng (n= 29)

TT	Tên các ban chức năng	Số lượng ủy viên		Đánh giá về hoạt động		
		chuyên trách m _i (%)	kiêm nhiệm m _i (%)	Tốt m _i (%)	Trung bình m _i (%)	Không hiệu quả m _i (%)
1	Ban Chuyên môn	7 (24.10)	22 (75.90)	17 (59.00)	12 (41.00)	
2	Ban Phát triển phong trào (hội viên)	6 (20.70)	23 (79.30)	10 (35.00)	12 (41.00)	7 (24.00)
3	Ban Tài chính – vận động tài trợ	3 (10.30)	26 (89.70)	9 (31.00)	18 (62.00)	5 (12.00)
4	Ban Thông tin – Truyền thông	3 (10.30)	26 (89.70)	6 (21.00)	18 (62.00)	5 (17.00)
5	Ban Quan hệ quốc tế	4 (13.80)	25 (86.20)	15 (52.00)	13 (45.00)	1 (0.30)
6	Ban Khen thưởng – kỷ luật		29 (100)		26 (89.00)	3 (11.00)

thư ký điều phối các hoạt động của văn phòng là Chánh văn phòng hội.

Tại các tổ chức hội lớn như Ủy ban Olympic Việt nam, Liên đoàn bóng đá, Liên đoàn Quần vợt, Văn phòng có các phòng chức năng bên trong để triển khai các công việc cụ thể trên từng lĩnh vực. Riêng Liên đoàn Bóng đá Việt Nam có tới 11 phòng chức năng thuộc Văn phòng Liên đoàn, với tổng số 65 cán bộ, nhân viên.

Về nhân sự của văn phòng hội, hầu hết các hội đều có bố trí những nhân sự chuyên trách cho văn phòng hội. Nhân sự của văn phòng hội đều là những người có trình độ chuyên môn phù hợp. Theo kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu, hiện có 194 cán bộ chuyên trách làm việc tại Văn phòng các hội, trong đó: 33 cán bộ có trình độ trên Đại học, 139 cán bộ có trình độ đại học, 02 cán bộ trình độ Cao đẳng, 22 cán bộ có trình độ khác) và một số cán bộ làm việc theo hình thức kiêm nhiệm (98 cán bộ làm việc kiêm nhiệm tại Văn phòng các hội, trong đó: 28 cán bộ có trình độ trên Đại học, 69 cán bộ có trình độ đại học, 01 cán bộ có trình độ khác).

Về nhân sự Tổng thư ký, hiện có, 7/29 hội có Tổng thư ký làm việc chuyên trách, 22/29 hội có Tổng thư ký làm việc theo hình thức kiêm nhiệm. Tổng thư ký đóng vai trò quan trọng trong việc điều hành hoạt động của hội, được Đại hội nhiệm kỳ lựa chọn giới thiệu và bầu ra từ những người có uy tín và trình độ cao, cụ thể:

19/29 Tổng thư ký có trình độ trên đại học, 10/29 Tổng thư ký có trình độ đại học, 19/29 Tổng thư ký có trình độ ngoại ngữ loại C, 10/29 Tổng thư ký có trình độ ngoại ngữ loại B.

Về nhân sự giữ chức danh Chánh văn phòng, hiện có 11/29 hội có Chánh văn phòng chuyên trách, 12/29 hội có Chánh văn phòng làm việc kiêm nhiệm, còn lại 6/29 hội không có Chánh văn phòng. Chánh văn phòng cũng được các hội lựa chọn những người có năng lực, trình độ tốt để làm việc, cụ thể: 6/23 Chánh văn phòng có trình độ trên đại học, 17/23 Chánh văn phòng có trình độ đại học, 11/23 Chánh văn phòng có trình độ ngoại ngữ loại C, 22/29 Chánh văn phòng có trình độ ngoại ngữ loại B.

Tuy nhiên cũng còn một số hội có bộ máy nhân sự chưa hoàn thiện, gần như không có hoạt động văn phòng, không có cán bộ chuyên môn chuyên trách làm việc tại văn phòng, như Liên đoàn Bóng bàn, Hiệp hội Thể thao điện tử - giải trí, ...

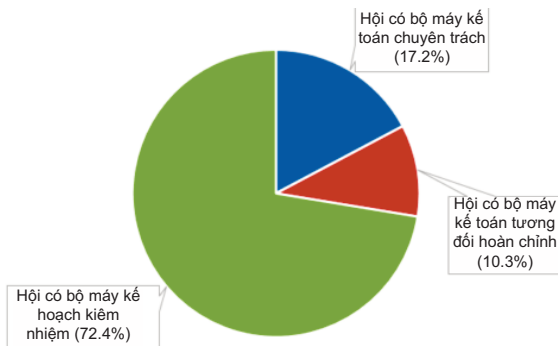
Về việc thực hiện chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên trách, phần lớn các hội đều áp dụng cơ chế vận dụng hệ số lương theo thang bảng lương hành chính sự nghiệp để tính trả lương, phụ cấp cho đội ngũ cán bộ chuyên trách; xét nâng lương theo niên hạn. Thu nhập của đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên trách làm việc tại các hội nhìn chung là chưa cao, chưa tạo được điều kiện cho các hội thực hiện chính sách thu hút nhân tài.



Các liên đoàn thể thao quốc gia tại Việt Nam đều tổ chức đại hội định kỳ (Ảnh. Đại hội Liên đoàn Bóng chuyền Việt Nam nhiệm kỳ 2015-2019)

Về bộ máy kế toán làm việc trong văn phòng hội, hiện mới chỉ có 5/29 hội có bộ máy kế toán đúng nghĩa (Ủy ban Olympic, Liên đoàn Bóng đá, Liên đoàn Bóng chuyền, Hiệp hội Thể thao dưới nước, Liên đoàn Võ thuật cổ truyền), chiếm tỷ lệ 17.2%. 03/29 hội có bố trí kế toán và thủ quỹ chuyên trách theo quy định (Liên đoàn Quần vợt, Liên đoàn Cầu lông, Liên đoàn Điền kinh), chiếm tỷ lệ 10.3 %. Còn lại 21/29 hội chỉ thực hiện cơ chế bố trí kế toán kiêm nhiệm, chiếm tỷ lệ 72.4 %.

Tình trạng bộ máy kế toán chưa hoàn thiện ở các hội thể thao quốc gia là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ tự chủ về tài chính của hội cũng như việc quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính, cơ sở vật chất của các hội.



Biểu đồ 6. Bộ máy kế toán của các hội thể thao quốc gia

6. Hội viên và tổ chức thành viên

Về nguyên tắc, hội được thành lập trên cơ sở hội viên; hội viên được coi là hạt nhân quan trọng của hội. Hội viên sẽ quyết định tôn chỉ, mục đích, chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của hội. Đây là nguyên tắc trong hoạt động của hội và cũng là xu hướng chung của các hội thể thao quốc gia trên thế giới.

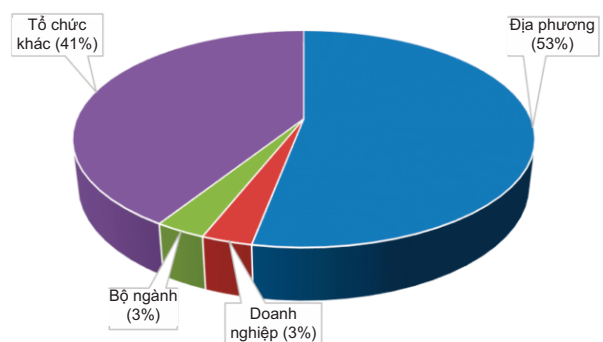
Ở nước ta, tại điều lệ hoạt động của phần lớn các hội đều quy định có hội viên là tổ chức, hội viên cá nhân (một số hội có quy định hội viên liên kết). Song, trên thực tế hoạt động, đa số các hội đều không kết nạp và

quản lý hội viên.

Về hội viên cá nhân, trong số 29 tổ chức hội thể thao cấp quốc gia chỉ có 10 tổ chức hội có kết nạp hội viên cá nhân, gồm: Liên đoàn Điền kinh VN, Liên đoàn Xe đạp - Mô tô thể thao VN, Liên đoàn Judo VN, LĐ Thể dục VN, LĐ Taekwondo VN, Liên đoàn Đua thuyền VN, Hội Thể thao điện tử giải trí VN, LĐ Yoga VN, Hội Khoa học TDTT VN.

Về hội viên tổ chức (tổ chức thành viên của các hội), việc kết nạp, quản lý hoạt động, bãi miễn, khai trừ hội viên tại hầu hết các hội không được thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ.

Trên đây là biểu đồ cơ cấu tổ chức thành viên của các hội thể thao quốc gia. Trong tổng số 757 tổ chức thành viên của 21/22 hội thể thao quốc gia (không tính Ủy ban Olympic VN) bao gồm:



Biểu đồ 7. Cơ cấu tổ chức thành viên của các hội thể thao quốc gia

BÀI BÁO KHOA HỌC

khối địa phương là 404 tổ chức thành viên; khối bộ, ngành là 18 tổ chức thành viên; khối doanh nghiệp là 23 tổ chức thành viên; tổ chức khác - chủ yếu các Câu lạc bộ - là 312.

Phân tích cơ cấu trên cho thấy số lượng các câu lạc bộ là một dạng tổ chức thành viên đúng nghĩa, chiếm tỷ lệ rất thấp.

Tuy nhiên, cũng có những tổ chức hội thực hiện rất tốt việc kết nạp, quản lý tổ chức thành viên. Liên đoàn Bóng đá Việt Nam là tổ chức có mạng lưới tổ chức thành viên tương đối hoàn thiện, gồm tổng số 66 tổ chức (14 Câu lạc bộ chuyên nghiệp, 09 Câu lạc bộ hạng Nhất, 22 Câu lạc bộ hạng Nhì, 07 Câu lạc bộ nữ, 02 Câu lạc bộ Futsal, 24 liên đoàn Bóng đá địa phương

và Công ty VPF). Liên đoàn Bóng đá Việt Nam thực hiện các thủ tục kết nạp, bãi miễn tư cách tổ chức thành viên tương đối bài bản, đúng nguyên tắc. Một số liên đoàn, hiệp hội thể thao khác cũng đã bước đầu thực hiện được việc kết nạp, quản lý, thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với hội viên, như: Liên đoàn Bóng chuyền, Liên đoàn Quần vợt, Liên đoàn Vovinam, Liên đoàn Yoga,...

Thực tế trên cho thấy việc quản lý hội viên của các hội thể thao ở nước ta đang có vấn đề khá trầm trọng. Khác với thực tế ở hầu hết các quốc gia khác, khi đã hình thành câu lạc bộ, liên đoàn địa phương thì mới hình thành liên đoàn quốc gia, ở nước ta có tình trạng hình thành liên đoàn thể thao quốc gia trước rồi mới phát triển

Bảng 2. Việc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của hội thể thao quốc gia đối với hội viên (n=29)

Nội dung	m _i	Thực hiện tốt	Thực hiện được một phần	Chưa thực hiện được
1. Đại diện hội viên trong quan hệ đối nội, đối ngoại	m _i	16	13	0
	%	55.20	44.80	0.00
2. Bảo vệ lợi ích hợp pháp của hội viên	m _i	12	17	0
	%	41.40	58.60	0.00
3. Tập hợp đoàn kết hội viên, tổ chức các hoạt động giữa các hội viên	m _i	9	19	1
	%	31.00	65.50	3.40
4. Phổ biến, huấn luyện kiến thức liên quan cho hội viên	m _i	9	20	0
	%	31.00	69.00	0.00
5. Đại diện hội viên tham gia ý kiến với CQQLNN có liên quan	m _i	3	24	2
	%	10.30	82.80	6.90

Bảng 3. Việc thực hiện nghĩa vụ của hội viên đối với hội thể thao quốc gia (n=29)

Nội dung	m _i	Thực hiện tốt	Thực hiện được một phần	Chưa thực hiện được
1. Nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ, quy định của hội	m _i	16	13	0
	%	55.20	44.80	0.00
2. Tham gia các hoạt động của hội	m _i	13	16	0
	%	44.80	55.20	0.00
3. Bảo vệ uy tín của hội	m _i	18	10	1
	%	62.10	34.50	3.40
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của hội	m _i	0	27	2
	%	0.00	93.10	6.90
5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn cho hội	m _i	3	10	16
	%	10.30	34.50	55.20



Trụ sở hoạt động của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam, một trong những liên đoàn lớn và hoạt động tương đối hiệu quả

liên đoàn địa phương hoặc tổ chức thành viên là câu bộ, hội viên ở dưới.

Thực tế trên thấy đang có những "lỗ hổng" nhất định trong chính sách pháp luật và công tác quản lý hội thể thao ở nước ta.

Kết quả khảo sát, đánh giá về mối quan hệ giữa hội thể thao quốc gia với các hội viên của hội thông qua phỏng vấn được tổng hợp tại các bảng 2 và 3.

KẾT LUẬN

Trong những năm qua, hệ thống các hội thể thao quốc gia ở nước ta đã từng bước được mở rộng, phát huy vai trò tích cực trong công tác quản lý chuyên môn và triển khai các hoạt động tác nghiệp về TDTT. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, phần lớn các hội còn gặp khó khăn trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định, mức độ tự chủ của các hội còn thấp. Một trong những nguyên nhân chủ yếu là bộ máy tổ chức và phương thức hoạt động của phần lớn các hội thể thao còn chậm được đổi mới. Bên cạnh đó, nhận thức về vai trò, vị trí và chức năng, nhiệm vụ của các hội thể thao quốc gia của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý hội cũng còn chưa đầy đủ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 2198/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 3*

tháng 12 năm 2010 phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2020.

2. Lê Đức Chương, Võ Văn Vũ (2016), *Kế hoạch hóa thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

3. Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (2009), *Lý luận và thực tiễn lập kế hoạch quản lý thể dục, thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

4. Phạm Xuân Thành, Lê Văn Lãm (2010), *Quản lý học Thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2012), *Tài liệu Hội thảo Khoa học quốc tế: “Phát triển thể thao-tâm nhìn Olympic”*, Nxb TDTT, Hà Nội.

6. Trường đại học TDTT Bắc Ninh (2013), *“Cơ sở pháp lý và khung khổ điều tiết cho phát triển kinh tế thể dục thể thao ở Việt Nam”*, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học*, Nxb TDTT, Hà Nội.

7. Lâm Quang Thành (2016), *“Nghiên cứu phát triển hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ thể dục thể thao”*, *Báo cáo đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ*.

**(Bài nộp ngày 16/4/2019, Phản biện ngày 19/4/2019, duyệt in ngày 26/4/2019
Chịu trách nhiệm chính: Bùi Việt Hà
Email: buivietha.tccb@gmail.com)**